

Số: 697 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 12 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng
công trình cải tạo, sửa chữa Trường Chính trị tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 213/TTr-SKHĐT ngày 19/3/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình cải tạo, sửa chữa Trường Chính trị tỉnh Bình Phước, nội dung cụ thể như sau:

- 1. Tên công trình:** Cải tạo, sửa chữa Trường Chính trị tỉnh Bình Phước.
- 2. Chủ đầu tư:** Trường Chính trị tỉnh Bình Phước.



3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam.

4. Chủ nhiệm lập dự án: KTS. Nguyễn Phúc Linh.

5. Mục tiêu đầu tư: Cải tạo, sửa chữa Trường chính trị tỉnh nhằm kịp thời chống xuống cấp, tạo sự bền vững cho công trình; đảm bảo môi trường xanh, sạch đẹp cho nhà trường, xứng đáng là ngôi trường hàng đầu của tỉnh về bồi dưỡng, đào tạo cán bộ cho tỉnh, đáp ứng nhu cầu dạy và học của cán bộ, học viên.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

a) Khối hiệu bộ: Diện tích sàn 2.197m², cạo bỏ lớp sơn cũ, sơn mới lại toàn bộ khối nhà; đảo lại mái ngói; sửa chữa hệ thống điện, mạng vi tính, điện thoại, thay thế một số thiết bị đã hư hỏng; sửa chữa khu vệ sinh; tháo dỡ toàn bộ trần thạch cao hiện hữu, thay thế bằng tôn lạnh; quét chống thấm sê nô.

b) Khối phòng học và khối hội trường: Diện tích sàn 2.060m², cạo bỏ lớp sơn cũ, sơn mới lại toàn bộ khối nhà; đảo lại mái ngói; sửa chữa hệ thống điện, mạng vi tính, điện thoại, thay thế một số thiết bị đã hư hỏng; tháo dỡ toàn bộ trần thạch cao hiện hữu, thay thế bằng tôn lạnh; chống thấm sê nô, ô văng.

c) Sân bê tông:

- Sân bê tông làm mới: Diện tích 6.439m², đổ bê tông lót đá 4x6 M100 dày 10cm, bê tông đá 1x2 M200 dày 6cm, kê ron;

- Sân bê tông hiện hữu: Diện tích 6.589m², đổ bê tông đá 1x2 M200 dày 5cm trên nền bê tông hiện hữu, kê ron;

d) Cổng tường rào, nhà bảo vệ: Tường rào dài 829,7m, cạo bỏ toàn bộ lớp vôi cũ, quét vôi lại; nâng tường rào phía đường Trần Hưng Đạo thêm 0,5m; sơn lại toàn bộ khung sắt.

e) Ký túc xá: Diện tích sàn 1.340m², cạo bỏ lớp sơn cũ, sơn mới lại toàn bộ khối nhà; đảo lại mái ngói; sửa chữa hệ thống điện, mạng vi tính, điện thoại, thay thế một số thiết bị đã hư hỏng; sửa chữa trần thạch cao hiện hữu; chống thấm mái, sê nô.

f) Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Sửa chữa lại toàn bộ hệ thống phòng cháy chữa cháy và lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

7. Địa điểm xây dựng: Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

8. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

10. Phương án xây dựng: Cải tạo, sửa chữa công trình hiện hữu.

11. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Không có.

12. Tổng mức đầu tư: **8.472.349.839 đồng**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	6.704.002.289 đồng
- Chi phí thiết bị:	224.240.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	173.193.499 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	536.974.235 đồng
- Chi phí khác:	84.111.649 đồng

- Chi phí dự phòng: 749.828.167 đồng

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

14. Hình thức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2012 - 2013. Trong đó, năm 2012 chỉ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.

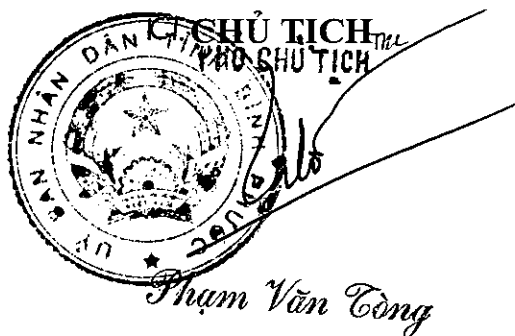
16. Kế hoạch đấu thầu: Kế hoạch đấu thầu kèm theo.

Điều 2. Trường Chính trị tỉnh Bình Phước là chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành, tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung đã phê duyệt tại Điều 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN, VX;
- Lưu: VT (Nghĩa: 28.3). 8x


CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Văn Công



**KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU BÁO CÁO KTKT**

Công trình cải tạo, sửa chữa Trường Chính trị tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Xây lắp		Ngân sách tỉnh					
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Chính trị tỉnh Bình Phước (bao gồm cả thiết bị công trình)	6.928.242.289		Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một túi hồ sơ	Năm 2013	Theo đơn giá điều chỉnh	120 ngày
II	Thiết bị, hàng hóa							
1	Bảo hiểm xây dựng	21.119.719		Chỉ định thầu		Năm 2013	Trọn gói	Theo thời gian thi công
III	Tư vấn							
1	Quản lý dự án	173.193.499		Chỉ định thầu		Năm 2012-2013	Theo tỷ lệ %	Theo thời gian thực hiện dự án
2	Lựa chọn nhà thầu xây dựng	23.012.369		Chỉ định thầu		Năm 2012-2013	Theo tỷ lệ %	60 ngày
3	Giám sát thi công	174.590.432		Chỉ định thầu		Năm 2013	Theo tỷ lệ %	Theo thời gian thi công xây dựng
4	Kiểm tra và chứng nhận về chất lượng công trình xây dựng	61.025.884	Chỉ định thầu		Năm 2013	Theo đơn giá cố định	Theo thời gian thi công xây dựng	
5	Kiểm toán	41.382.629	Chỉ định thầu		Năm 2012-2013	Theo tỷ lệ %	45 ngày	